

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Đ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chín
2. Bà Nguyễn Thị Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Hẻm D, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị là Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1994 và anh Bùi Minh L, sinh năm 1994 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2014 tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Gia Lai. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, vay mượn nhiều người chơi bài bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần không có tiền trả, anh L sống không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L vẫn không chịu thay đổi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã ly thân không sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Minh L để giải thoát cho nhau.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014, từ khi vợ chồng ly thân năm 2020 đến nay con đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Luân cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và trả nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì Hội đồng xét xử để xem xét.*

** Quá trình giải quyết vụ án, cháu Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014 là con của nguyên đơn và bị đơn có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Con tên Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014 là con của mẹ Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1994 và ba Bùi Minh L, sinh năm 1994. Thời gian qua con thấy ba mẹ thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lớn tiếng với nhau, ba mẹ đã ly thân không sống với nhau từ năm 2020, hiện nay con đang ở với mẹ. Vì sao ba mẹ mâu thuẫn con không rõ, con không muốn ba mẹ ly hôn, tuy nhiên nếu ba mẹ ly hôn thì con có nguyện vọng ở với mẹ, con không muốn ở với ba.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc nguyên đơn chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, anh Anh Bùi Minh L, sinh năm 1994 (là bị đơn) có địa chỉ tại Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và trình bày tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2] Về hôn nhân: Nguyễn Thị Thanh Mi, sinh năm 1994 (nguyên đơn) và anh Bùi Minh L, sinh năm 1994 (bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày

02/12/2014 tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Gia Lai nên hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn, thì trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng (chị M và anh L) sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, vay mượn nhiều người chơi bài bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần không có tiền trả, anh L sống không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L vẫn không chịu thay đổi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã ly thân không sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Minh L để giải thoát cho nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn để làm việc, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để Hội đồng xét xem xét. Việc bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy bị đơn đã bỏ mặc gia đình, không còn quan tâm, chăm lo hạnh phúc gia đình, điều đó cho thấy hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014, sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi con nêu trên và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014 đã trên 07 tuổi, quá trình giải quyết vụ án con Nguyễn Thảo V đã có văn bản trình bày ý kiến và có nguyện vọng là ở với mẹ. Theo lời khai của nguyên đơn và cháu V thì từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân từ năm 2020 đến nay thì cháu V ở với nguyên đơn, hơn nữa bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc nuôi con chung nêu trên. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Vy và theo nguyện vọng của cháu V nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho nguyên đơn được nuôi con Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014 cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi 01 con chung nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn chịu án phí yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M. Chị Nguyễn Thị Thanh M được ly hôn với anh Bùi Minh L.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh M được quyền nuôi 01 con chung là Bùi Nguyễn Thảo V, sinh ngày 23/10/2014 cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Bùi Minh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị Nguyễn Thị Thanh M nuôi 01 con chung nêu trên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thanh M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009444 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng

bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã L huyện M, tỉnh Gia Lai (đang ký kết hôn ngày 02/12/2014);
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa